**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN HÓA HỌC**

**NỘI DUNG GHI VÀO VỞ HỌC SINH:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG IV. OXI – KHÔNG KHÍ**

**A.** **KIẾN THỨC CẦN NHỚ**

**I.Tính chất vật lí của oxi:**

- Oxi là chất khí không màu, không mùi, ít tan trong nước, nặng hơn không khí.

- Oxi hóa lỏng ở -1830C. Oxi lỏng có màu xanh nhạt

**II.Tính chất hóa học của oxi**

 1. Tác dụng với phi kim.

 a)Với lưu huỳnh

 Lưu huỳnh cháy trong oxi tạo ra khí sunfurơ (SO**2**)

PTHH: S + O**2**  SO**2**

b)Với photpho

 Photpho cháy trong oxi tạo điphotpho pentaoxit (P**2**O**5)**

PTHH:4P+5O**2** 2P**2**O**5**

2. Tác dụng với kim loại.

Sắt cháy trong oxi tạo ra oxit sắt từ (Fe**3**O**4**).

PTHH: 3Fe+2O**2** Fe**3**O**4**

3. Tác dụng với hợp chất

Khí metan cháy trong không khí do tác dụng với khí oxi.

PTHH:CH**4** + 2O**2** **** CO**2**+ 2H**2**O

**III.Điều chế oxi trong phòng thí nghiệm.**

Trong phòng thí nghiệm, khí oxi được điều chế bằng cách đun nóng những hợp chất giàu oxi và dễ bị phân huỷ ở nhiệt độ cao như kali pemanganat (KMnO**4)** và kali clorat (KClO**3).**

PTHH:

2KClO3  2KCl + 3O2

2KMnO4 K2MnO4 + MnO2 + O2

**IV. Ứng dụng của oxi.**

Khí oxi cần cho:

1. Sự hô hấp của người và động vật.

2. Sự đốt nhiên liệu trong đời sống và sản xuất

**V.** **Phản ứng hóa hợp.**

Phản ứng hoá hợp là phản ứng hóa học trong đó chỉ có một chất mới (sản phẩm) được tạo thành từ hai hay nhiều chất ban đầu.

VD:

4P + 5O**2**  2P­**2**O**5**

CaO + H**2**O  Ca(OH)**2**

VI. **Phản ứng phân huỷ**

1. Định nghĩa

 Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó từ một chất sinh ra hai hay nhiều chất mới.

2**. VD**:

**2KClO3  2KCl + 3O2**

**2KMnO4  K2MnO4 + MnO2 + O2**

**VII. OXIT**

1. **Định nghĩa**

 Oxit là hợp chất của hai nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi.

**VD**: SO**2**, CuO, Fe**2**O**3**,CO**2**

2. **Công thức oxit.** M**x**O**y**

- M: kí hiệu một nguyên tố khác (có hóa trị n)

- Công thức M**x**O**y** theo đúng QTHT: n.x = II.y

3**. Phân loại**

Oxit gồm 2 loại chính:

a**) Oxit axit**

Thường là oxit của phi kim và tương ứng với một axit.

**VD**: : CO**2**, P**2**O**5**, SO**3**

**b) Oxit bazơ**

Là oxit của kim loại và tương ứng với một bazơ.

**VD**: K**2**O, CaO, MgO

4. **Cách gọi tên oxit.**

***\* Tên oxit bazơ : Tên kim loại (kèm theo hóa trị) + oxit***

**VD**:

FeO: Sắt (II) oxit

- Nếu kim loại có nhiều hoá trị:

***\* Tên oxit axit: Tên phi kim (có tiền tố chỉ số nguyên tử phi kim) + oxit (có tiền tố chỉ số nguyên tử oxi)***

**VD**: SO**2**: lưu huỳnh đioxit, P**2**O**5**: điphotpho pentaoxit.

**VIII. Sự oxi hóa**

Sự tác dụng của oxi với một chất gọi là sự oxi hóa.

**IX. Sự cháy**

 Sự cháy là sự oxi hoá có toả nhiệt và phát sáng.

X. Sự oxi hoá chậm

Sự oxi hoá chậm là sự oxi hoá có toả nhiệt nhưng không phát sáng.

**XI. Thành phần của không khí.**

 Không khí là một hỗn hợp nhiều chất khí. Thành phần theo thể tích của không khí là: 78% khí nitơ ,21% khí oxi, 1% các khí khác( khí cacbonic, hơi nước, khí hiếm…)

**XII.** ***Điều kiện phát sinh và các biện pháp để dập tắt sự cháy***

- Điều kiện phát sinh sự cháy:

+ Chất phải nóng đến nhiệt độ cháy.

+ Phải có đủ khí oxi cho sự cháy.

- Muốn dập tắt sự cháy, cần thực hiện một hay đồng thời cả hai biện pháp sau:

+ Hạ nhiệt độ của chất cháy xuống dưới nhiệt độ cháy.

+ Cách li chất cháy với khí oxi.

**Bài 31: *(Tiết 1)*TÍNH CHẤT - ỨNG DỤNG CỦA HIĐRO**

I. ***Tính chất vật lý***

Khí hiđro là chất khí không màu, không mùi, không vị, nhẹ nhất trong các chất khí, tan rất ít trong nước

***II. Tính chất hóa học***

 ***1. Tác dụng với oxi***

 - Hiđro cháy trong oxi hay trong không khí đều tạo thành nước.

PTHH:H**2** + O**2**  H**2**O

2. ***Tác dụng với đồng (II) oxit (CuO)***

PTHH:H**2**(k) + CuO(r)  H**2**O(h) + Cu (r)

\* Khí hiđro đã chiếm nguyên tố oxi trong hợp chất CuO. Hiđro có tính khử ( khử oxi).

**Bài 33: ĐIỀU CHẾ KHÍ HIĐRO – PHẢN ỨNG THẾ**

***I.******Điều chế hiđro***

***1. Trong phòng thí nghiệm.***

- Nguyên liệu:

+ Một số kim loại: Zn, Al

+ Dung dịch: HCl, H**2**SO**4** loãng.

PTHH:

Zn(r) + 2HCl(dd)  ZnCl**2**(dd) + H**2**(k)

 \* **Cách thu khí H2:**

- Thu khí hiđro bằng 2 cách:

 + Đẩy không khí

 + Đẩy nước

\* Nhận ra khí H**2** bằng que đóm đang cháy.

II. **Phản ứng thế**

Phản ứng thế là phản ứng hóa học trong đó nguyên tử của đơn chất thay thế nguyên tử của một nguyên tố khác trong hợp chất.

**VD**:

Zn + H**2**SO**4**  ZnSO**4** + H**2**

**B. BÀI TẬP**

Câu 1: Hãy trình bày tính chất hóa học của oxi, hidro?

Câu 2: Phản ứng phân hủy, hóa hợp , thế là gì? Cho ví dụ?

Câu 3: Hãy phân loại và gọi tên các oxit sau: CO2,P2O5,Al2O3,FeO

Câu 4: Trong phòng thí nghiệm oxi được điều chế theo phản ứng

 2 KMnO4 K2MnO4 + MnO2 + O2

 Nếu có 17,4 g MnO2 được tạo thành

 a. Tính khối lượng KMnO4 cần phản ứng

 b. Tính thể tích O2 sinh ra ở (đktc)

Câu 5. Thế nào là sự oxi hóa, sự cháy, sự oxi hóa chậm. Nêu điều kiện phát sinh và dập tắt sự cháy?

Câu 6. Lập các PTHH sau

a) Al + O2 Al2O3

b) P + O2 P2O5

c) Zn + O2 ZnO

d) H2 + O2 H2O

e) KClO3  KCl + O2

Dặn dò: HS ghi lý thuyết vào vở và hoàn thành 6 bài tập trên vào vở bài tập.